

Số: 1524/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 633/TTr-TNMT ngày 15/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông: Lê Ngọc Luận - Cư trú tại Tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 57.699.206 đồng.

(Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm linh sáu đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã Sùng Phài.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Giàng A Chảo có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

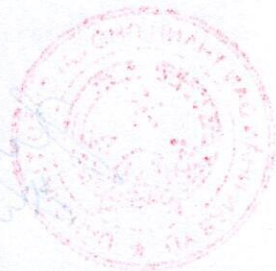
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, TP. Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: ~~1524~~ /QĐ-UBND ngày 26 / 8 /2022 của UBND thành phố Lai Châu)

| STT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (Đồng) |
|----------|---|----------------|----------|---------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 19 | Họ và tên: Lê Ngọc Luận | | | | |
| | Địa chỉ thường trú: Tổ 6 - phường Quyết Tiến | | | | |
| | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ. | | | | 57.699.206 |
| a | Về đất | | | | 12.417.200 |
| 1 | Diện tích thu hồi | m ² | 335,6 | | |
| 2 | Loại đất: | | | | |
| 2,1 | Đất trồng cây lâu năm | m ² | 335,6 | 37.000 | 12.417.200 |
| | Vị trí: 1, khu vực 1, | | | | |
| | Nguồn gốc: đã được cấp GCNQSD số BD663865 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 19/9/2013 sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp | | | | |
| b | Tài sản, vật kiến trúc, (Tài sản xây dựng năm 1995, xây dựng trước khi có Quy hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng đúng mục đích và bồi thường hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo QĐ 30/2017 ngày 14/8/2017, tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp) | | | | 297.990 |
| 1 | Kè đá xếp khan (6*0,5*0,7) | m ³ | 2,1 | 141.900 | 297.990 |
| c | Về cây cối hoa màu | | | | 7.732.416 |
| 1 | Sản lượng chè (năng suất 22tấn/ha/năm x 2 năm x 150m ²) | Kg | 660,0 | 6.000 | 3.960.000 |
| 2 | Hàng rào cây sống | m | 7,0 | 7.200 | 50.400 |
| 3 | 1 Cây lấy gỗ D40, H7 (Cây xoan) | m ³ | 0,9 | 480.000 | 422.016 |
| 4 | Cây ăn quả ghép cành trồng năm thứ 2 (hồng xiêm) | Cây | 7 | 66.000 | 462.000 |
| 5 | Cây bơ trồng hạt năm thứ 2 | Cây | 2 | 66.000 | 132.000 |
| 6 | Cây mít R 1-2 | Cây | 1 | 204.000 | 204.000 |
| 7 | Cây mít trồng năm thứ 4 | Cây | 2 | 192.000 | 384.000 |
| 8 | Cây đào R 1-2m | Cây | 2 | 360.000 | 720.000 |
| 9 | Cây mít trồng năm thứ 2 | Cây | 1 | 66.000 | 66.000 |
| 10 | Cây cóc trồng hạt năm thứ 2 | Cây | 1 | 66.000 | 66.000 |
| 11 | Cây bưởi ghép cành từ 2 - dưới 3 năm | Cây | 5 | 204.000 | 1.020.000 |
| 12 | Cây lấy gỗ D 10-25 | Cây | 1 | 42.000 | 42.000 |
| 13 | Cây lê trồng bằng chiết ghép từ 2,3 năm | Cây | 1 | 204.000 | 204.000 |





| STT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (Đồng) |
|-----|--|----------------|----------|---------|-------------------|
| d | Về chính sách hỗ trợ | | | | 37.251.600 |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm) | m ² | 335,6 | 111.000 | 37.251.600 |



